TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NGỌC LẶC** **TỈNH THANH HOÁ** Bản án số: 40/2018/HNGĐ-ST Ngày 28/11/2018 V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC LẶC, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Viết Giảng
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Trung Thành
Ông Bùi Đăng Thảnh

- Thư ký phiên toà: Bà Ninh Thị Hải, Thư ký Toà án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Lặc tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Thúy - Kiểm sát viên

Ngày 28/11/2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 160/2018/TLST-HNGĐ ngày 07/9/2018 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/10/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2018/QĐST-HNGĐ ngày 14/11/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị B, sinh năm 1989 *(Có mặt)*
Địa chỉ: Phố Z, xã K, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

Bị đơn: Anh Phan Văn T, sinh năm 1987 *(Vắng mặt)*
Địa chỉ: Phố Z, xã K, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 06/9/2018, nguyên đơn là chị Phạm Thị B trình bày: Giữa nguyên đơn và bị đơn là anh Phan Văn T kết hôn với nhau vào ngày 06/10/2010, việc kết hôn là do hai bên hoàn toàn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện N, nơi cư trú, sinh sống của anh T khi kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau tại phố Z, xã Q, huyện N. Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận được khoảng 2 năm thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T không tu chí làm ăn, thường xuyên đánh bạc gây ảnh hưởng đến kinh tế gia đình, chị B góp ý thì bị anh T chửi bới, đánh đập. Khi mâu thuẫn vợ chồng xảy ra, gia đình bố mẹ hai bên đã hòa giải nhiều lần, nhưng anh T không nghe lời khuyên can của gia đình. Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng từ năm 2012 và chị B đã sống ly thân với anh T; nhưng khi chị B ly thân được khoảng 2 tháng, anh T đã hứa sửa chữa thiếu sót, không chơi cờ

bạc, không đánh vợ, nên chị B đã trở lại đoàn tụ với anh T. Sau khi vợ chồng đoàn tụ, anh T không thực hiện lời hứa, nên vợ chồng lại xảy ra mâu thuẫn và đến năm 2016, do mâu thuẫn trầm trọng, chị B và anh T đã sống ly thân không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Theo chị B, mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị B yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị B và anh Phan Văn T ly hôn. Về con chung, chị B và anh T có 1 con chung tên là Phan Văn L, sinh ngày 29/7/2011, từ khi vợ chồng ly thân, con ở với anh T. Khi ly hôn, chị B yêu cầu Tòa án giải quyết giao con chung cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng, chị B tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung với chị B. Trường hợp anh T không đồng ý giao con cho chị B nuôi dưỡng và con có nguyện vọng ở với anh T, thì chị B đồng ý giao con cho anh T nuôi dưỡng, chị B cấp dưỡng nuôi con với anh T là 1.500.000 đồng/tháng kể từ khi ly hôn cho đến khi con thành niên. Về tài sản, nguyên đơn tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Phan Văn T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án số 207/TB-TLVA ngày 07/9/2018, nhưng anh T không nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của anh T đối với yêu cầu khởi kiện của chị B; Tòa án đã tống đạt hợp lệ giấy triệu tập, Thông báo về phiên hòa giải cho các đương sự, nhưng anh T không có mặt theo giấy triệu tập và thông báo của Tòa án, nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên toà sơ thẩm, bị đơn là anh Phan Văn T vắng mặt lần thứ hai không có lý do; nguyên đơn là chị Phạm Thị B, vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn, còn về việc giao nuôi con khi ly hôn, do con đã trên 7 tuổi và có nguyện vọng ở với chị B, nên chị B yêu cầu giao con cho chị B nuôi dưỡng và tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Do anh T vắng mặt lần thứ hai không có lý do, nên chị B yêu cầu xét xử vụ án vắng mặt anh T theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Lặc tham gia phiên tòa phát biểu: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm; việc chấp hành pháp luật của đương sự là nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ, đúng theo quy định của pháp luật; bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật; không có mặt theo thông báo, giấy triệu tập của Tòa án. Nguyên đơn đã xuất trình đầy đủ chứng cứ chứng minh quan hệ vợ chồng của mình là hợp pháp, về tình trạng mâu thuẫn, về con chung của vợ chồng, vì vậy, có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Việc kiện giữa nguyên đơn chị Phạm Thị B, bị đơn anh Phan Văn T là việc kiện về ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn, bị đơn cư trú tại huyện Ngọc

Lặc, căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ngọc Lặc. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện thủ tục tố tụng đầy đủ, đúng trình tự; nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định, Thông báo của Tòa án cho các đương sự, nhưng anh T không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật, không có mặt theo thông báo của Tòa án, nên Tòa án không tiến hành hòa giải được; tại phiên tòa, anh T vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh T là đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn là chị Phạm Thị B và bị đơn là anh Phan Văn T là hợp pháp. Quá trình chung sống giữa hai người đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân xảy mâu thuẫn vợ chồng theo chị B là do anh T không tu chí làm ăn, thường xuyên đánh bạc gây ảnh hưởng đến kinh tế gia đình, chị B góp ý thì bị anh T chửi bới, đánh đập. Khi mâu thuẫn xảy ra, gia đình đã dàn xếp, hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn trầm trọng, nên chị B và anh T đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo về phiên hòa giải cho anh T, nhưng anh T không có mặt theo thông báo của Tòa án, nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tại phiên tòa sơ thẩm, anh T vắng mặt lần thứ hai không có lý do, chị B vẫn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị B và anh T ly hôn. Xét thấy, tình trạng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nghĩ nên căn cứ khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xử chị Phạm Thị B và anh Phan Văn T ly hôn.

[3]. Về con chung: Theo lời khai, tài liệu mà chị B cung cấp có đủ cơ sở để xác định cháu Phan Văn L, sinh ngày 29/7/2011 là con chung của chị B và anh Phan Văn T. Kể từ khi chị B và anh T sống ly thân, cháu Phan Văn L ở với anh T, hiện nay cháu L đã trên 7 tuổi và cháu L có nguyện vọng ở với chị B; tại phiên tòa sơ thẩm anh T vắng mặt, chị B có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu L, nên việc giao con cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp, bảo đảm được quyền lợi mọi mặt của con chưa thành niên và đúng quy định của pháp luật. Xét sự tự nguyện của chị B về việc không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con thấy rằng, sự tự nguyện của chị B không vi phạm các điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, nên có căn cứ chấp nhận. Anh T không trực tiếp nuôi con, nhưng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở, ngăn cấm.

[4]. Về tài sản: Chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết phần tài sản, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Chị B là nguyên đơn trong vụ án ly hôn, nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

Về hôn nhân: Chị Phạm Thị B và anh Phan Văn T ly hôn.

Về con chung: Giao chị Phạm Thị B trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phan Văn L, sinh ngày 29/7/2011. Chấp nhận sự tự nguyện của chị B, anh Phan Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung với chị B. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở, ngăn cấm.

Về án phí: Chị Phạm Thị B phải nộp án phí dân sự sơ thẩm việc ly hôn là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0002202 ngày 07/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Lặc. Chấp nhận chị B đã nộp đủ.

Chị Phạm Thị B có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; anh Phan Văn T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Ngọc Lặc;
- UBND xã K;
- Chi cục THADS H. Ngọc Lặc;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Viết Giảng